PHỤ LỤC BỔ SUNG KẾ HOẠCH THU, NỘP QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI HUYỆN IA H'DRAI NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đvt: đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch thu Quỹ đã ban hành (*)		Kế hoạch thu Quỹ điều chỉnh			Kế hoạch thu bổ sung Quỹ
		Số lao động đóng Quỹ	Số thu	Số thu cả năm 2023	Số thu 06 tháng đầu năm 2023 (*)	Số thu 6 tháng cuối năm 2023 (**)	
I	**Cơ quan, tổ chức cấp huyện**	**257**	**8.702.955**	**9.608.295**	**4.351.477**	**5.256.818**	**905.341**
1	Trung tâm y tế huyện Ia H'Drai	17	575.682	635.568	287.841	347.727	59.886
2	Liên đoàn lao động huyện	1	33.864	37.386	16.932	20.455	3.523
3	Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện	7	237.045	261.705	118.523	143.182	24.659
4	Bảo hiểm xã hội huyện	9	304.773	336.477	152.386	184.091	31.705
5	Trung tâm Văn hóa - TT - DL và TT huyện	13	440.227	486.023	220.114	265.909	45.795
7	Trưởng tiểu học Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành	14	474.091	523.409	237.045	286.364	49.318
8	Trường tiểu học - THCS Hùng Vương	15	507.955	560.795	253.977	306.818	52.841
9	Trường Mầm non Tuổi Ngọc	4	135.455	149.545	67.727	81.818	14.091
11	Ủy ban mặt trận TQVN huyện	2	67.727	74.773	33.864	40.909	7.045
12	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	3	101.591	112.159	50.795	61.364	10.568
13	Văn phòng Huyện ủy	14	474.091	523.409	237.045	286.364	49.318
14	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1	33.864	37.386	16.932	20.455	3.523
16	Hội nông dân huyện	2	67.727	74.773	33.864	40.909	7.045
17	Văn phòng HĐND-UBND huyện	4	135.455	149.545	67.727	81.818	14.091
19	Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng huyện	13	440.227	486.023	220.114	265.909	45.795
20	Phòng Tư pháp huyện	1	33.864	37.386	16.932	20.455	3.523
21	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	5	169.318	186.932	84.659	102.273	17.614
22	Trường mầm non Hoa Mai	2	67.727	74.773	33.864	40.909	7.045
23	Trường mầm non Măng Non	1	33.864	37.386	16.932	20.455	3.523
24	Viện Kiểm sát Nhân dân huyện	9	304.773	336.477	152.386	184.091	31.705
25	Chi cục Thi hành án dân sự huyện	6	203.182	224.318	101.591	122.727	21.136

STT	Đơn vị	Kế hoạch thu Quỹ đã ban hành (*)		Kế hoạch thu Quỹ điều chỉnh			Kế hoạch thu bổ sung Quỹ
		Số lao động đóng Quỹ	Số thu	Số thu cả năm 2023	Số thu 06 tháng đầu năm 2023 (*)	Số thu 6 tháng cuối năm 2023 (**)	
26	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du	37	1.252.955	1.383.295	626.477	756.818	130.341
27	Tòa án Nhân dân huyện	8	270.909	299.091	135.455	163.636	28.182
28	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện	3	101.591	112.159	50.795	61.364	10.568
29	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2	67.727	74.773	33.864	40.909	7.045
30	Chi cục thuế huyện	12	406.364	448.636	203.182	245.455	42.273
31	Công ty TNHH Lâm nghiệp Ia H'Drai	52	1.760.909	1.944.091	880.455	1.063.636	183.182
II	**Cơ quan, tổ chức cấp xã và người lao động khác**	**20**	**677.273**	**747.727**	**338.636**	**409.091**	**70.455**
1	Ủy ban nhân dân xã Ia Tơi	6	203.182	224.318	101.591	122.727	21.136
2	Ủy ban nhân dân xã Ia Đal	7	237.045	261.705	118.523	143.182	24.659
3	Ủy ban nhân dân xã Ia Dom	7	237.045	261.705	118.523	143.182	24.659

Ghi chú:

(*): Mức lương cơ sở áp dụng đóng Quỹ phòng, chống thiên tai theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ

(**): Mức lương cơ sở áp dụng đóng Quỹ phòng, chống thiên tai theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của chỉnh phủ